TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2025/LĐ-ST
Ngày: 05 - 5 - 2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân

2. Bà Lê Thị Thiện.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 60/2025/TLST-LĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2025/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bé B, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Vắng mặt, Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH F (Việt Nam); trụ sở: Số E, Đại lộ Đ, KCN V - Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vương Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1972, địa chỉ thường trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ tạm trú: Số A, Tổ A, Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Bùi Thị Bé B, trình bày:

Bà Bùi Thị Bé B và bà Bùi Thị D là chị em họ, do lúc đi làm chưa có giấy tờ nên bà D mượn giấy chứng minh nhân dân của bà B để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH F (Việt Nam) với tên của bà Bùi Thị Bé B và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2012 đến tháng 7/2016, nhưng trên thực tế bà Bùi Thị D là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam). Hợp đồng lao động ký kết năm 2012 do Công ty TNHH F (Việt Nam đã thu lại nên bà B không thể cung cấp cho Tòa án được). Do không am hiểu pháp luật nên bà Bùi Thị D đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà B được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, bà Bùi Thị Bé B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Bùi Thị Bé B (do bà Bùi Thị D là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH F (Việt Nam) trong khoảng thời gian làm từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 07 năm 2016 là vô hiệu toàn bộ. Bà Bùi Thị Bé B không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Căn cước công dân của của bà B, bà D; Sổ bảo hiểm xã hội; Biên bản làm việc ngày 24/7/2024 và các tài liệu chứng cứ khác kèm theo.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 3 năm 2025 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH F (Việt Nam), do bà Vương Thị N trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bé B về việc tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Bùi Thị Bé B (do bà Bùi Thị D là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH F (Việt Nam) trong khoảng thời gian làm từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 07 năm 2016 là vô hiệu toàn bộ. Công ty TNHH F (Việt Nam) có ý kiến việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Bùi Thị Bé B (do bà Bùi Thị D là người ký kết) với Công ty thì Công ty không nắm rõ và không còn lưu giữ hồ sơ. Vì vậy, hiện nay bà Bùi Thị Bé B khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì Công ty đồng ý. Mọi phán quyết của Tòa án Công ty đều thống nhất và không có ý kiến gì. Công ty không có yêu cầu phản tố gì trong vụ án, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Các tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH F (Việt Nam) và các tài liệu chứng cứ khác kèm theo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D trình bày: Thống nhất trình bày của bà Bùi Thị Bé B. Vào thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 7/2016 bà D có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Bùi Thị Bé B để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH F (Việt Nam) và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà Bùi Thị Bé B từ tháng 12/2012 đến tháng 7/2016, nhưng trên thực tế bà Bùi Thị D là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam), do thời điểm nêu trên bà Bùi Thị D chưa có giấy tờ nên mới mượn chứng minh của bà Bùi Thị Bé B để thực hiện ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F (Việt Nam) theo hợp đồng lao động năm 2012 (Hợp đồng lao động ký kết năm 2012 do Công ty TNHH F (Việt Nam) đã thu lại nên bà Bùi Thị D không thể cung cấp cho Tòa án được).

Bà D đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Bà Bùi Thị Bé B, sinh năm 1977; CCCD số số 095177001031 (CMND: 385230537) đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 7 năm 2016, mã số sổ Bảo hiểm xã hội 7412320607. Bảo hiểm tỉnh Bình Dương đã thực hiện chốt sổ đối

với số 7412320607 ngày 30/8/2016 với tổng thời gian đóng quỹ HT, TT đến tháng 07/2016 là 03 năm 08 tháng và BHTN là 03 năm 08 tháng.

Số sổ 7412320607 đã hưởng trợ cấp một lần quá trình tham gia liên tục từ tháng 12/2012 đến tháng 07/2016 theo số Quyết định 041710905 ngày 18/8/2017 tại BHXH B, đã hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Số sổ 7412320607 đã có quyết định hưởng trợ cấp một lần theo số 72400894 ngày 11/9/2024.

Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ Điều 50 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị Bé B khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Bùi Thị Bé B (do bà Bùi Thị D là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH F (Việt Nam) trong khoảng thời gian làm từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 7 năm 2016 là vô hiệu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty TNHH F (Việt Nam); trụ sở: Số E, Đại lộ Đ, KCN V - Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự không cung cấp được Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH F (Việt Nam) và bà Bùi Thị Bé B. Tuy nhiên, tất cả các đương sự đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

Bà Bùi Thị Bé B cho bà Bùi Thị D mượn hồ sơ mang tên bà Bùi Thị B1 Bẫy để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2012 đến tháng

7 năm 2016 tại Công ty TNHH F (Việt Nam) theo số Bảo hiểm xã hội 7412320607. Thực tế đối tượng lao động và ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH F (Việt Nam) là bà Bùi Thị D, không phải bà Bùi Thị Bé B. Việc bà Bùi Thị D sử dụng hồ sơ của bà Bùi Thị Bé B để làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam) là vi phạm nguyên tắc trung thực theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu gì liên quan hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Nguyên đơn tư nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự năm 2015);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bé B về việc tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu với bị đơn Công ty TNHH F (Việt Nam).

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Bùi Thị Bé B, sinh năm 1977, CCCD số 095177001031 và Công ty TNHH F (Việt Nam) trong thời gian từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 7 năm 2016 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Bùi Thị Bé B theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Bé B tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000759 ngày 13/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Thị Bạch Tuyết

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**